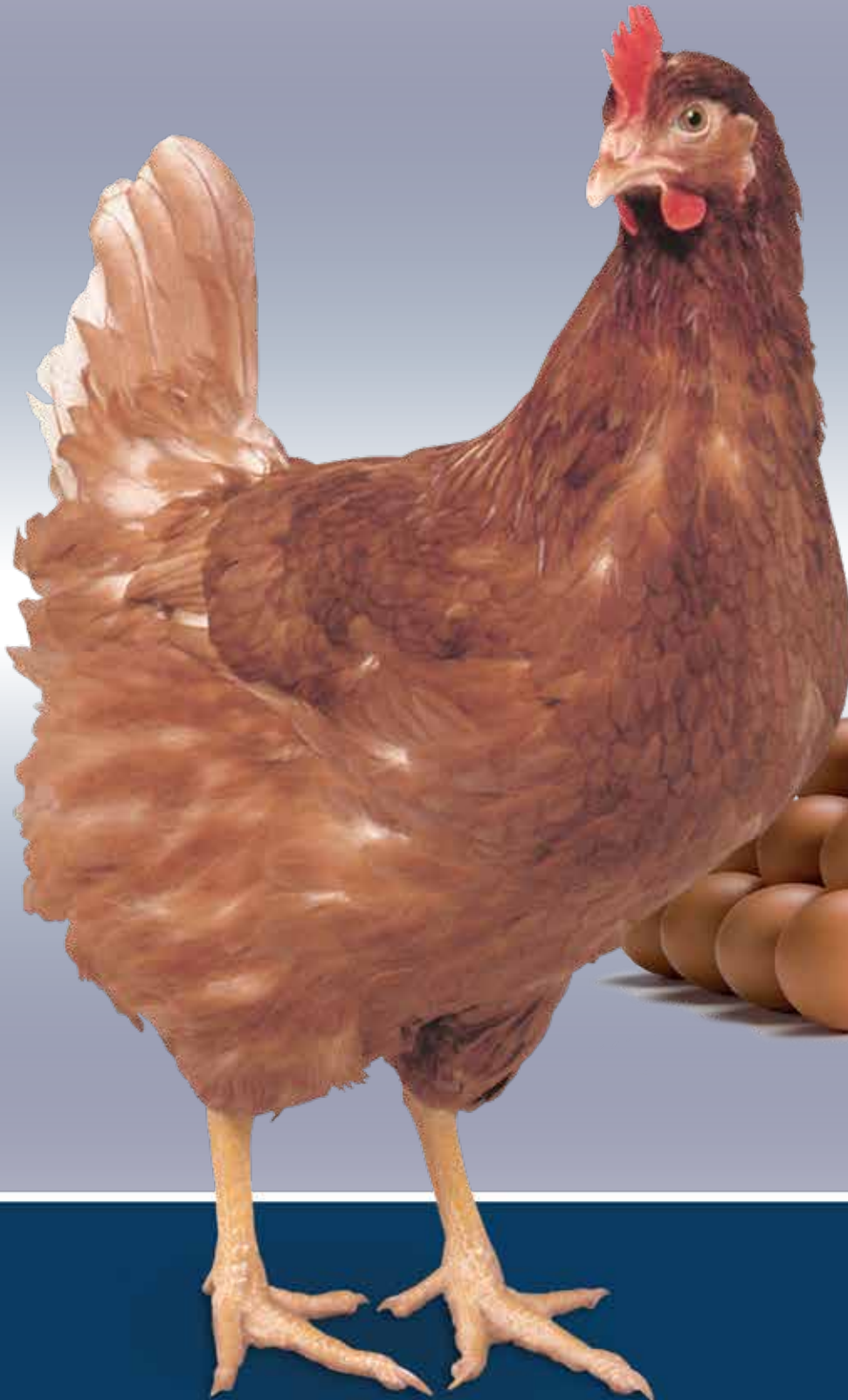


Hy-Line[®]

BROWN



MANG LẠI LỢI NHUẬN CAO HƠN

- Hiệu quả sử dụng thức ăn tối ưu
- Khả năng sống rất cao
- Chất lượng trứng nâu tuyệt vời



THỜI GIAN TĂNG TRƯỞNG (ĐẾN 17 TUẦN TUỔI)	
Tỷ lệ nuôi sống	98%
Lượng thức ăn tiêu thụ	6069 g
Trọng lượng lúc 17 tuần tuổi	1580 g
GIẢI ĐOẠN ĐỀ (ĐẾN 90 TUẦN TUỔI)	
Tỷ lệ đẻ đỉnh cao	94.8–96.6%
Số lượng trứng/ gà mái đẻ đến 60 tuần	257.5–269.0
Số lượng trứng/ gà mái đẻ đến 72 tuần	328.9–343.4
Số lượng trứng/ gà mái đẻ đến 90 tuần	425.5–445.2
Số lượng trứng/ gà mái đẻ trong chuồng đến 60 tuần	254.1–265.5
Số lượng trứng/ gà mái đẻ trong chuồng đến 72 tuần	323.3–337.7
Số lượng trứng/ gà mái đẻ trong chuồng đến 90 tuần	415.0–434.2
Tỷ lệ nuôi sống đến 60 tuần	97.4%
Tỷ lệ nuôi sống đến 80 tuần	95.1%
Tỷ lệ nuôi sống đến 90 tuần	93.5%
Số ngày đến khi có 50% sản lượng trứng (tính từ ngày ấp trứng)	144
Trọng lượng trứng lúc 26 tuần tuổi	59.2 g
Trọng lượng trứng lúc 32 tuần tuổi	61.9 g
Trọng lượng trứng lúc 72 tuần tuổi	64.8 g
Tổng số lượng trứng/ gà mái đẻ trong chuồng đến (18–90 tuần)	26.8 kg
Trọng lượng của gà lúc 32 tuần tuổi	1.93–2.07
Trọng lượng của gà lúc 72 tuần tuổi	1.96–2.10
Buồng khí của trứng	Tuyệt vời
Độ cứng của vỏ trứng	Tuyệt vời
Màu sắc của vỏ trứng lúc 38 tuần	87
Màu sắc của vỏ trứng lúc 56 tuần	85
Màu sắc của vỏ trứng lúc 72 tuần	81
Màu sắc của vỏ trứng lúc 90 tuần	79
Chỉ số tươi của trứng ở tuần 38	90.0
Chỉ số tươi của trứng ở tuần 56	84.0
Chỉ số tươi của trứng ở tuần 72	81.0
Chỉ số tươi của trứng ở tuần 90	79.7
Lượng thức ăn tiêu thụ bình quân ngày (18–90 tuần)	110.7 g/ngày/gà
Tỷ lệ tiêu tốn thức ăn, kg thức ăn/kg trứng (20–60 tuần)	1.90–2.06
Tỷ lệ tiêu tốn thức ăn, kg thức ăn/kg trứng (20–72 tuần)	1.91–2.08
Tỷ lệ tiêu tốn thức ăn, kg thức ăn/kg trứng (20–90 tuần)	1.98–2.15
Sử dụng thức ăn, kg trứng/kg thức ăn (20–60 tuần)	0.49–0.53
Sử dụng thức ăn, kg trứng/kg thức ăn (20–72 tuần)	0.48–0.52
Sử dụng thức ăn, kg trứng/kg thức ăn (20–90 tuần)	0.46–0.50
Lượng thức ăn/10 trứng (20–60 tuần)	1.19–1.23 kg
Lượng thức ăn/10 trứng (20–72 tuần)	1.21–1.24 kg
Lượng thức ăn/10 trứng (20–90 tuần)	1.26–1.29 kg
Lượng thức ăn/12 trứng (20–60 tuần)	1.43–1.47 kg
Lượng thức ăn/12 trứng (20–72 tuần)	1.45–1.49 kg
Lượng thức ăn/12 trứng (20–90 tuần)	1.51–1.55 kg
Màu da	Vàng
Tình trạng phân	Khô